TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2021/DS-ST
Ngày: 18/01/2021
V/v:" Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Vũ Nam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Bính Thân**

2. Bà **Bùi Thị Cẩm Vân**

Thư ký phiên tòa: ông **Lê Huy Khang**– Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên toà: Bà **Phan Hoàng Anh** - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21 tháng 12 năm 2020 và ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2378/2019/TLST-DS ngày 18/12/2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 523/2020/QĐXX – ST ngày 29 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2020/QĐXX – ST ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương X.**

Địa chỉ: Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 03, TP.HCM.

Đại diện ủy quyền: ông Nguyễn D (Theo văn bản ủy quyền số 646/2019/GUQ-CNQ9 ngày 26/7/2019)

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: ông **Bùi Anh P**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Điện Biên Phủ, phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM.

(Vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2019 và bản tự khai của ông Nguyễn D trình bày:

Vào các ngày 03/05/2018, 29/5/2018 và 17/10/2018, bị đơn và nguyên đơn có ký các quan hệ tín dụng cụ thể như sau:

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1812300736 ngày 03/05/2018 với số tiền vay là 80.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm từ ngày 03/05/2018 đến ngày 03/05/2023, vốn trả hàng tháng là 1.334.000 đồng/tháng, kỳ cuối trả 1.294.000 đồng, lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Hợp đồng trên với mức lãi suất như sau: lãi trong hạn theo hợp đồng là 7,6%/năm; lãi trong hạn điều chỉnh ngày 01/04/2019 là 14%/năm; Lãi suất quá hạn là 19,5%/năm. Tính đến ngày 12/11/2019, số tiền nợ gốc là 63.992.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 4.176.386 đồng, tiền lãi quá hạn là 381.999 đồng là tiền lãi phạt là 99.006 đồng, tổng cộng là 68.649.391 đồng.

+ Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 060172900804 ngày 17/10/2018 với số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 17/10/2018 đến ngày 17/10/2019. Hợp đồng trên với mức lãi suất như sau: lãi trong hạn theo hợp đồng là 7,6%/năm; lãi trong hạn điều chỉnh ngày 01/04/2019 là 14%/năm; Lãi suất quá hạn là 19,5%/năm. Tính đến ngày 12/11/2019, số tiền nợ gốc là 44.376.805 đồng và số tiền lãi quá hạn là 663.828 đồng, tổng cộng là 45.040.633 đồng

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiên hợp đồng: thẻ tín dụng số 472074-3511 và thẻ số 356480-4296, hạn mức thẻ là 20.000.000 đồng. Tính đến ngày 12/11/2019, số tiền nợ gốc là 23.734.164 đồng.

Trong quá trình vay, ông Pha không thanh toán các khoản nợ vay đầy đủ và đúng hạn cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu của 03 hợp đồng trên tổng cộng là 137.424.188 đồng, thanh toán làm 01 lần ngay khi quyết định có hiệu lực.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng phía bị đơn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau:

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán: Vụ án được thụ lý đúng thẩm quyền. Các phần còn lại Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho Viện kiểm sát, vi phạm thời hạn đưa vụ án ra xét xử.

Về việc tuân theo Pháp luật Tố tụng của Hội đồng xét xử: Thời gian, địa điểm mở phiên Tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng qui định tại các Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ những chứng cứ trong hồ sơ vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Bùi Anh P có hộ khẩu thường trú tại phường 25, quận Bình Thạnh, TP.HCM nên căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, TP.HCM.

Theo đơn khởi kiện ngày 22/11/2019 của Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông Bùi Anh P thanh toán số tiền nợ gốc và lãi của các khoản vay tính đến ngày 12/11/2019 là 137.424.188 đồng đồng. Theo Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

- Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn – ông Bùi Anh P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, tại phiên tòa hôm nay do tất cả những người tham gia tố tụng vắng mặt nên căn cứ khoản 3, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Về nội dung vụ án:

Vào các ngày 03/05/2018, 29/5/2018 và 17/10/2018, ông Bùi Anh P có ký với Ngân hàng TMCP X các quan hệ tín dụng cụ thể như sau:

+ Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD1812300736 ngày 03/05/2018 với số tiền vày là 80.000.000 đồng, thời hạn vay 05 năm từ ngày 03/05/2018 đến ngày 03/05/2023, vốn trả hàng tháng là 1.334.000 đồng/tháng, kỳ cuối trả 1.294.000 đồng, lãi hàng tháng theo dư nợ giảm dần. Tính đến ngày 18/01/2021, số tiền nợ gốc là 63.992.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 9.475.393 đồng, tiền lãi quá hạn là 3.584.457 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 779.670 đồng, tổng cộng là 77.831.520 đồng. (1)

+ Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức thấu chi số 060172900804 ngày 17/10/2018 với số tiền là 40.000.000 đồng, thời hạn vay 01 năm từ ngày 17/10/2018 đến ngày 17/10/2019. Tính đến ngày 18/01/2021, số tiền nợ gốc là 42.796.944 đồng, số tiền lãi trong hạn, quá hạn là 11.315.279 đồng và tiền lãi phạt là 5.386.555 đồng, tổng cộng là 59.498.778 đồng. (2)

+ Thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng: thẻ tín dụng số 472074-3511 và số 356480-4296, hạn mức mỗi thẻ là 20.000.000 đồng. Tính đến ngày 18/01/2021, số tiền nợ gốc là 20.798.650 đồng và tiền lãi quá hạn là 14.182.128 đồng, tổng cộng là 34.980.778 đồng. (3)

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu của 03 hợp đồng trên (1) + (2) + (3) tổng cộng là: 77.831.520 đồng + 59.498.778 đồng + 34.980.778 đồng = 172.311.076 đồng, thanh toán làm 01 lần ngay khi quyết định có hiệu lực.

Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Pha đều vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi. Do đó, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để xem xét, giải quyết vụ án.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp thể hiện số tiền ông P còn thiếu là 172.311.076 đồng nên nguyên đơn yêu cầu ông Pha phải trả số tiền trên là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận theo Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do Ngân hàng TMCP X có chức năng hoạt động tín dụng nên phần lãi suất được tính do các bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- *Về án phí:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án dân sự sơ theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 463, Điều 466 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 91, 108 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức và thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X.

1.1 Buộc ông Bùi Anh P phải trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 172.311.076 (một trăm bảy mươi hai triệu, ba trăm mười một ngàn, không trăm bảy mươi sáu) đồng, trả ngay sau khi án đã có hiệu lực pháp luật.

1.2 Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.3 Kể từ ngày 19/01/2021, ông Bùi Anh P còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng số LD1812300736 ngày 03/05/2018, Hợp đồng hạn mức thấu chi số 060172900804 ngày 17/10/2018 và Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng thẻ tín dụng số 472074-3511 và thẻ số 356480-4296 tương ứng với số tiền còn phải thi hành án và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 8.615.554 đồng ông Bùi Anh P phải nộp. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí là 3.436.000 đồng đã tạm nộp theo biên

lai thu số AA/2019/0017348 ngày 10/12/2019 của Cơ quan thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, TP.HCM.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Hoàng Vũ Nam

Nơi nhận:
- *Tòa án NDTP.HCM*
- *VKS ND Quận Bình Thạnh.*
- *THA DS Quận Bình Thạnh.*
- *Các đương sự*
- *LưuVP, HS*